

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 10 – 2022

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 568/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích V., sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn A, xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đỗ Duy K., sinh năm 1980 – làm việc tại Văn phòng luật sư X thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Tuấn Đ., sinh năm 1987; nơi thường trú: Xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi tạm trú: khu phố Đ, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích V. và ông Trần Tuấn Đ. tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó cả hai tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012 ngày 12/3/2012.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, ông Tuấn thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung để giải quyết sự việc trong gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và trầm trọng, cả hai đã sống ly thân từ khoảng tháng 02/2020 đến nay.

Bà V xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Đ, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống bà V và ông Đ có 02 người con chung tên Trần Linh N, sinh ngày 20/6/2015 và Trần Hưng T, sinh ngày 18/7/2012. Bà V yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn trình bày:

Ông Đ thống nhất với nguyên đơn về thời gian, điều kiện kết hôn, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, 02 người con chung đang sinh sống cùng bà V tại Quảng Nam. Ông Đ cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, tuy nhiên nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông Đ đồng ý do cả hai không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Ông Đ không đồng ý với yêu cầu của bà V, ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Linh N và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết đã được đảm bảo, đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không có ý kiến gì bổ sung.

- Bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề hôn nhân và con chung đối với bị đơn ông Trần Tuấn Đ., có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố Đ, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích V. và ông Trần Tuấn Đ. chung sống với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012 ngày 12/3/2012. Quan hệ hôn nhân của bà V và ông Đ là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Bà V xác định trong cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến việc cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 2020. Bà V sinh sống cùng các con tại xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam, còn ông Đ vẫn sinh sống tại Bình Dương. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Đ không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa bà V và ông Đ đã kéo dài, cả hai đã sống ly thân từ khoảng tháng 02/2020 đến nay. Do đó yêu cầu của bà V về việc ly hôn với ông Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà V và ông Đ có 02 con chung tên Trần Linh N, sinh ngày 20/6/2015 và Trần Hưng T, sinh ngày 18/7/2012, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Theo tài liệu, chứng cứ bà V cung cấp thể hiện bà hiện đang làm 03 công việc, cụ thể: Kế toán kho tại công ty Hi-tech Việt Nam Apparel; đại lý bán lẻ và cung cấp dịch vụ của Viettel Telecom; cộng tác viên bán hàng thời vụ của Công ty TNHH Xây nhà số 1 Việt Nam; thu nhập hàng tháng

khoảng 13.000.000 đồng đến 15.000.0000 đồng, có nơi ở ổn định, sinh sống cùng cha mẹ của bà V tại tỉnh Quảng Nam.

Ông Đ không đồng ý với yêu cầu của bà của bà V, ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Linh N và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con, lý do là bà V chặn hết tất cả các cuộc gọi, tin nhắn, ông Đ không thể liên lạc được với các con, ông Đ chỉ muốn làm tròn nghĩa vụ làm cha của mình đối với các con. Ông Đ hiện đang làm việc tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Miền Nam, thu nhập hàng tháng khoảng 16.000.000 đồng, ông Đ hiện đang thuê nhà trọ và sinh sống tại Bình Dương.

Xét thấy, hai cháu Trần Linh N và Trần Hưng T hiện đang sinh sống cùng mẹ là bà V tại Thôn A, xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam, hai cháu đang theo học tại trường tiểu học Duy Trung, quá trình bà V nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu học tập và phát triển tốt, bà V có thu nhập và nơi ở ổn định. Ông Đ mặc dù có công việc và thu nhập tốt, có đủ khả năng và điều kiện để nuôi con, tuy nhiên việc giao cháu Nhi cho ông Đ nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi, ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường, sự phát triển và tâm lý của cháu vì phải thay đổi nơi ở, nơi học tập và môi trường sống. Bên cạnh đó, theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 15/9/2022, hai cháu cũng có nguyện vọng được sống với bà V sau khi cha mẹ ly hôn. Từ những nhận định nêu trên, việc tiếp tục giao 02 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp, bà V không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích V. phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V. đối với bị đơn ông Trần Tuấn Đ. về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích V. được ly hôn với ông Trần Tuấn Đ..

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Linh N, sinh ngày 20/6/2015 và Trần Hưng T, sinh ngày 18/7/2012 cho bà Nguyễn Thị Bích V. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Trần Tuấn Đ. không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích V. phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002674 ngày 15/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Quang Ngọc Nhân